

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kháng Mai Thu
2. Ông Trịnh Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lò Thị T.** Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Bùi Thị T** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lò Văn T.** Địa chỉ: Bản H, xã T (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 10/02/2017. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó chị T phát hiện anh T nghiện ngập, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung là Lò Khải P - sinh ngày 20/9/2015. Do hiện nay công việc của chị T thường xuyên phải xa nhà nên chị T có nguyện vọng: Sau khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản và nợ: Không có.

Chị T đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

2. Tại Bản tự khai ngày 24/02/2026 bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 10/02/2017 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh T và chị T.

- Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Lò Khải P - sinh ngày 20/9/2015. Nguyện vọng của anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

3. Việc thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ:

- Tại Văn bản số 1924/UBND-VP ngày 29/12/2025 Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau: Bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (cũ), nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 10/02/2017. Trong quá trình bà T và ông T chung sống với nhau, UBND phường Đ không nhận được yêu cầu của các bên hay gia đình bà T (ông T) về việc yêu cầu hòa giải cơ sở do mâu thuẫn vợ chồng. Về phía ông T, phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị bắt ngày 22/4/2022, hiện đã ra tù, tuy nhiên không có mặt trên địa bàn phường.

4. Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án: Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48/Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của BLTTDS. Bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, 35, 39/BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn T. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Khải P - sinh ngày 20/9/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã T (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 1, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt đương sự: Do nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Chị T, anh T có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2017 tại UBND xã T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống các bên thống nhất vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành, đều có nguyện vọng được ly hôn.

Do đó có căn cứ về việc chị T, anh T không còn tình cảm vợ chồng, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Lò Khải P - sinh ngày 20/9/2015. Chị T có nguyện vọng: Sau khi ly hôn anh T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của bị đơn. Mặc dù cháu P có nguyện vọng ở với mẹ nhưng xét điều kiện thực tế về công việc của chị T thường xuyên vắng nhà, không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục con, nên việc giao con cho anh T là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị Thu.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự thống nhất không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự thống nhất không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.5] Ý kiến, quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, HĐXX chấp nhận miễn án phí cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.
2. Về con chung: Anh Lò Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Khải P - sinh ngày 20/9/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay

đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

Trả lại cho chị T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Đ, tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

